BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 01/2011/TT-BNNPTNT	*Hà Nội, ngày 05 tháng 01 năm 2011*

THÔNG TƯ

Quy định về việc sửa đổi, bổ sung Danh mục các loài thủy sinh quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng cần được bảo vệ, phục hồi và phát triển ban hành kèm theo Quyết định số 82/2008/QĐ-BNN ngày 17/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Căn cứ Luật Thủy sản ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Nghị định số 75/2009/NĐ-CP của Chính phủ về việc sửa đổi điều 3 Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản,

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung quy định tại phần II Danh sách các loài thủy sinh quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng ở Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 82/2008/QĐ-BNN ngày 17 tháng 7 năm 2008 như sau:

1. Bổ sung vào danh sách các loài thủy sinh quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng ở Việt Nam (Phụ lục 1).

2. Sửa đổi tên Việt Nam, tên Khoa học của các loài thủy sinh quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng ở Việt Nam (Phụ lục 2).

3. Sửa đổi mức độ nguy cấp của các loài thủy sinh quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng ở Việt Nam (Phụ lục 3).

4. Loại bỏ khỏi danh sách các loài thủy sinh quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng ở Việt Nam (Phụ lục 4).

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực sau bốn mươi lăm ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương, các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan có trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Vũ Văn Tám

Phụ lục 1

BỔ SUNG VÀO DANH SÁCH CÁC LOÀI THỦY SINH QUÝ HIẾM CÓ NGUY CƠ TUYỆT CHỦNG Ở VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2011/TT-BNNPTNT ngày 05 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Bảng 1. Các loài đã tuyệt chủng ngoài thiên nhiên (EW)

STT	Tên Việt Nam	Tên Khoa học	Vùng phân bố tự nhiên
	CÁ		
	Bộ cá chép	**Cypriniformes**	
	Họ cá chép	Cyprinidae	
1	Cá mè huế	*Chanodichthys flavpinnis*	Thừa Thiên Huế

Bảng 2. Các loài có nguy cơ tuyệt chủng cực kỳ lớn (CR)

STT	Tên Việt Nam	Tên Khoa học	Vùng phân bố tự nhiên
	CÁ		
	Bộ cá nheo	**Siluriformes**	
	Họ Clariidae	Clariidae	
1	Cá trê trắng	*Clarias batrachus*	Đồng bằng Nam Bộ
	Họ cá nheo	Siluridae	
2	Cá chen bầu	*Ompok bimaculatus*	Đồng bằng Nam Bộ
	SAN HÔ		
3	**Bộ san hô đen**	**Antipatharia**	Vùng biển xa bờ các đảo: Ba Mùn, Cồn Cỏ, Phú Quốc, Phú Quý

Bảng 3. Các loài có nguy cơ tuyệt chủng rất lớn (EN)

STT	Tên Việt Nam	Tên Khoa học	Vùng phân bố tự nhiên
	CÁ		
	Bộ cá chép	**Cypriniformes**	
	Họ cá chép	Cyprinidae	

STT	Tên Việt Nam	Tên Khoa học	Vùng phân bố tự nhiên
1	Cá dày	*Channa lucius*	Đồng bằng sông Cửu Long
2	Cá học trò	*Balantiocheilos ambusticauda*	Đồng bằng sông Cửu Long
	Bộ cá nheo	**Siluriformes**	
	Họ Clariidae	Clariidae	
3	Cá trê	*Clarias nieuhofii*	Đồng bằng sông Cửu Long
4	Cá trê tối	*Clarias meladerma*	Đồng bằng sông Cửu Long
	Bộ cá mập	**Carcharhiniformes**	
	Họ cá mập	Carcharhinidae	
5	Cá mập đầu bạc	*Carcharhinus albimarginatus*	Vùng biển xa bờ
6	Cá mập đốm đen đỉnh đuôi	*Carcharhinus melanopterus*	Vịnh Bắc Bộ và vùng biển xa bờ
	Bộ cá đuối	**Rajiformes**	
	Họ cá đuối ó	Myliobatidae	
7	Cá đuối ó không chấm	*Aetobatus flagellum*	Vịnh Bắc Bộ, vùng biển miền Trung và Đông Nam Bộ
8	Cá đuối ó không gai	*Aetobatus nichofii*	Vịnh Bắc Bộ, vùng biển miền Trung và Đông Nam Bộ
	Họ cá đuối quạt	Rajidae	
9	Cá đuối quạt	*Okamejei kenojei*	Vịnh Bắc Bộ, vùng biển miền Trung và Đông Nam Bộ
	Họ cá đuối bướm	Gymnuridae	
10	Cá đuối bướm nhật bản	*Gymnura japonica*	Vịnh Bắc Bộ và vùng biển miền Trung
11	Cá đuối bướm hoa	*Gymnura poecilura*	Vịnh Bắc Bộ, vùng biển miền Trung và Đông Nam Bộ

STT	Tên Việt Nam	Tên Khoa học	Vùng phân bố tự nhiên
	Bộ cá trích	**Clupeiformes**	
	Họ Engraulidae	Engraulidae	
12	Cá lẹp hàm dài	*Thrissa setirostris*	Vùng ven biển Đông Nam Bộ
13	Cá lẹp hai quai	*Thrissa mystax schneider*	Vùng ven biển Đông Nam Bộ
14	Cá lẹp vàng vây ngực dài	*Setipinna taty*	Vùng ven biển Đông Nam Bộ
	Bộ cá vược	**Perciformes**	
	Họ cá mú	Serranidae	
15	Cá mú dẹt	*Cromileptes altivelis*	Vùng biển Nha Trang, Khánh Hòa
	Họ cá bàng chài	Labridae	
16	Cá bàng chài vân sóng	*Cheilinus undulatus*	Vùng biển Nha Trang, Trường Sa, Côn Đảo
	Họ cá mó	Scaridae	
17	Cá mó đầu u	*Bolbometopon muricatum*	Côn Đảo, Phú Quốc

Bảng 4. Các loài có nguy cơ tuyệt chủng lớn (VU)

STT	Tên Việt Nam	Tên Khoa học	Vùng phân bố tự nhiên
	CÁ		
	Bộ cá chép	**Cypriniformes**	
	Họ cá chép	Cyprinidae	
1	Cá bỗng	*Spinibarbus denticulatus*	Trung và thượng lưu các sông lớn ở các tỉnh phía Bắc như sông Hồng (Yên Bái trở lên), sông Lam (Son Cuông, của Rào), sông Thu Bồn, sông Trà Khúc (Nam Trung Bộ)

STT	Tên Việt Nam	Tên Khoa học	Vùng phân bố tự nhiên
2	Cá cầy	*Paraspinibarbus macracanthus*	Các sông ở các tỉnh phía Bắc
3	Cá ngựa nam	*Hampala macrolepidota*	Đồng bằng sông Cửu Long
4	Cá dốc	*Spinibarbichthys denticulatus*	Thanh Hóa
5	Cá vền	*Megalobrama terminalis*	Trung và hạ lưu các sông thuộc hệ thống sông Hồng, sông Thái Bình; sông Lam, sông Thu Bồn
	Họ Gyrinocheilidae	Gyrinocheilidae	
6	Cá mây đá	*Gyrinocheilus pennocki*	Đồng bằng sông Cửu Long
	Bộ cá nheo	**Siluriformes**	
	Họ cá chiên	Sisoridae	
7	Cá chiên bạc	*Bagarius yarrelli*	Đồng bằng sông Cửu Long
	Họ cá lăng	Bagridae	
8	Cá lăng đỏ	*Hemibagrus wyckioides*	Đồng bằng sông Cửu Long
9	Cá chốt cờ	*Heterobagrus bocourti*	Đồng bằng sông Cửu Long
	Bộ cá mập	**Carcharhiniformes**	
	Họ cá mập	Carcharhinidae	
10	Cá mập hiền	*Carcharhinus amblyrhynchoides*	Vùng biển xa bờ
	Bộ cá đuối	**Rajiformes**	
	Họ cá đuối bướm	Gymnuridae	
11	Cá đuối bướm 2 chấm	*Gymnura bimaculata*	Vịnh Bắc Bộ
	Họ cá đuối bồng	Dasyatidae	

STT	Tên Việt Nam	Tên Khoa học	Vùng phân bố tự nhiên
12	Cá đuối bồng lôi	*Dasyatis bennetti*	Vùng biển miền Trung và Đông Nam Bộ và vùng biển xa bờ
	Họ cá giống	Rhinobatidae	
13	Cá đuối đĩa 2 hàng gai	*Platyrhina limboonkengi*	Vịnh Bắc Bộ, vùng biển miền Trung và Đông Nam Bộ
14	Cá đuối đĩa trung hoa	*Platyrhina sinensis*	Vịnh Bắc Bộ, vùng biển miền Trung và Đông Nam Bộ
	Bộ cá nhám	**Lamniformes**	
	Họ cá nhám thu	Lamnidae	
15	Cá mập trắng lớn	*Carcharodon carcharias*	Vùng biển xa bờ
	Họ Pseudocarcha-riidare	Pseudocarchariidare	
16	Cá nhám thu/cá mập sâu	*Pseudocarcharias kamoharai*	Vùng biển xa bờ
	THÂN MỀM		
	Bộ mực ống	**Teuthidea**	
	Họ mực ống	Loliginidae	
17	Mực lá	*Sepioteuthis lesoniana*	Vùng biển ven bờ từ vịnh Bắc Bộ đến Tây Nam Bộ
	Bộ Sipunculiformes	**Sipunculiformes**	
	Họ Sipunculide	Sipunculide	
18	Sá sùng	*Sipunculus nudus*	Hải Phòng, Quảng Ninh
	SAN HÔ		
19	San hô gai	*Anthipathes spp.*	Ven đảo
20	San hô roi	*Cirripathes sp*	Ven đảo

Phụ lục 2
SỬA ĐỔI TÊN VIỆT NAM, TÊN KHOA HỌC CỦA CÁC LOÀI THỦY SINH QUÝ HIẾM CÓ NGUY CƠ TUYỆT CHỦNG Ở VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2011/TT-BNNPTNT ngày 05 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Bảng 2. Các loài có nguy cơ tuyệt chủng cực kỳ lớn (CR)

STT	Tên Việt Nam	Tên Khoa học
	THÂN MỀM	
1	**Bộ chân bụng cổ**	**Vetigastropoda** (tên cũ: **Archaeogastropoda**)
	Họ ốc đụn	Trochidae
2	Ốc đụn cái	*Tectus niloticus* (tên cũ: *Trochus niloticus*)
3	Họ ốc tù và	Ranellidae (tên cũ: Cymatidae)

Bảng 3. Các loài có nguy cơ tuyệt chủng rất lớn (EN)

STT	Tên Việt Nam	Tên Khoa học
	THÂN MỀM	
1	**Bộ chân bụng cổ**	**Vetigastropoda** (tên cũ: **Archaeogastropoda**)

Bảng 4. Các loài có nguy cơ tuyệt chủng lớn (VU)

STT	Tên Việt Nam	Tên Khoa học
	THÂN MỀM	
1	**Bộ chân bụng cổ**	**Vetigastropoda** (tên cũ: **Archaeogastropoda**)
2	Họ ốc tù và	Ranellidae (tên cũ: Cymatidae)
	CÁ	
	Bộ cá chép	**Cypriniformes**
	Họ Gyrinocheilidae	Gyrinocheilidae

STT	Tên Việt Nam	Tên Khoa học
3	Cá duồng bay (tên cũ: Cá Duồng xanh)	*Cosmochilus harmandi*
4	Cá chày đất	*Spinibarbus hollandi* (tên cũ: *Spinibarbus caldwelli*)
	Bộ cá vược	**Perciformes**
	Họ cá hường	Coiidae
5	Cá thái hổ (tên cũ: cá hường)	*Datnioides pulcher* (tên cũ: *Coius microlepis*)
6	Cá hường vện	*Datnioides quadrifasciatus* (tên cũ: *Coius quadrifasciatus*)

Phụ lục 3
SỬA ĐỔI MỨC ĐỘ NGUY CẤP CỦA CÁC LOÀI THỦY SINH QUÝ HIẾM CÓ NGUY CƠ TUYỆT CHỦNG Ở VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2011/TT-BNNPTNT ngày 05 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Bảng 1. Các loài đã tuyệt chủng ngoài thiên nhiên (EW)

STT	Tên Việt Nam	Tên Khoa học	Ghi chú
	CÁ		
	Bộ cá thát lát	**Osteoglossiformes**	
	Họ cá mơn	Osteoglossidae	
1	Cá mơn/cá rồng	*Scleropages formosus*	mức cũ: EN

Bảng 2. Các loài có nguy cơ tuyệt chủng cực kỳ lớn (CR)

STT	Tên Việt Nam	Tên Khoa học	Ghi chú
	CÁ		
	Bộ cá vược	**Perciformes**	
	Họ cá đù	Sciaenidae	
1	Cá đường/Cá sủ giấy	*Otolithoides biauratus*	mức cũ: VU
	THÂN MỀM		
	Bộ ngao	**Veneroida**	
	Họ trai tai tượng	Tridacnidae	
2	Trai tai tượng khổng lồ	*Tridacna gigas*	mức cũ: EN

Bảng 3. Các loài có nguy cơ tuyệt chủng rất lớn (EN)

STT	Tên Việt Nam	Tên Khoa học	Mức độ nguy cấp
	CÁ		
	Bộ cá chép	**Cypriniformes**	
	Họ cá chép	Cyprinidae	
1	Cá trà sóc	*Probarbus jullieni*	mức cũ VU

STT	Tên Việt Nam	Tên Khoa học	Mức độ nguy cấp
	Bộ cá nheo	**Siluriformes**	
	Họ cá tra	Pangasiidae	
2	Cá tra dầu	*Pangasianodon gigas*	mức cũ VU
	Bộ cá thát lát	**Osteoglossiformes**	
	Họ cá thát lát	Notopteridae	
3	Cá còm	*Chitala ornata*	mức cũ VU
	DA GAI		
	Bộ cầu gai	**Echinoida**	
	Họ cầu gai	Echinometridae	
4	Cầu gai đá	*Heterocentrotus mammillatus*	(Mức cũ VU

Bảng 4. Các loài có nguy cơ tuyệt chủng lớn (VU)

STT	Tên Việt Nam	Tên Khoa học	Mức độ nguy cấp
	CÁ		
	Bộ cá trích	**Clupeiformes**	
	Họ cá trích	Clupeidae	
1	Cá mòi cờ hoa (Cá mòi cờ)	*Clupanodon thrissa*	mức cũ EN
	Bộ cá vược	**Perciformes**	
	Họ cá bống đen	Eleotridae	
2	Cá bống bớp	*Bostrichthys sinensis*	mức cũ CR
	THÂN MỀM		
	Bộ vẹm	**Mytiloida**	
	Họ bàn mai	Pinnidae	
3	Trai bàn mai	*Atrina vexillum*	mức cũ EN
	Bộ ngao	**Veneroida**	
	Họ vọp	Mactridae	
4	Tu hài	*Lutraria rhynchaena*	mức cũ EN

Phụ lục 4
LOẠI BỎ KHỎI DANH SÁCH CÁC LOÀI THỦY SINH QUÝ HIẾM CÓ NGUY CƠ TUYỆT CHỦNG Ở VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2011/TT-BNNPTNT ngày 05 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Bảng 4. Các loài có nguy cơ tuyệt chủng lớn (VU)

STT	Tên Việt Nam	Tên Khoa học
	CÁ	
	Bộ cá chép	**Cypriniformes**
1	Cá ét mọi	*Morulius chrysophekadion*
2	Cá duồng bay	*Cirrlinus microlepis*
	Bộ cá vược	**Perciformes**
	Họ cá mang rổ	Toxotidae
3	Cá mang rổ	*Toxotes chatareus*
4	Cá lóc bông	*Ophiocephalus micopeltes*
	Họ cá bằng chài	Labridae
5	Cá bàng chài axin	*Bodianus axillaris*
6	Cá bàng chài đầu đen	*Thalassoma lunare*
	THÂN MỀM	
	Bộ vẹm	**Mytiloida**
	Họ bàn mai	Pinnidae
7	Vẹm xanh	*Perna viridis*